

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 130 /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 11 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản số 2 trực thuộc Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản số 2 trực thuộc Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Chức năng của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản số 2

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản số 2 có chức năng đấu giá các loại tài sản theo trình tự, thủ tục và nguyên tắc được quy định tại Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 37/2024/QH15, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Thực hiện đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá theo quy định tại Điều 4 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 37/2024/QH15, bao gồm:

- a) Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
 - b) Quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.
 - c) Quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.
 - d) Quyền sử dụng mã, số viễn thông và tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy định của pháp luật về viễn thông.
 - đ) Quyền sử dụng rừng, cho thuê rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.
 - e) Tài sản cố định của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.
 - f) Tài sản là hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.
 - g) Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.
 - h) Tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.
 - i) Tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.
 - k) Tài sản kê biên để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
 - l) Tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản theo quy định của pháp luật về hợp tác xã và pháp luật về phá sản.
 - m) Tài sản của doanh nghiệp phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
 - n) Nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.
 - o) Tài sản khác mà pháp luật quy định phải đấu giá.
 - ô) Xây dựng các kế hoạch hoạt động của Trung tâm trình Giám đốc Sở Tư pháp và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.
2. Tài sản không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này mà cá nhân, tổ chức tự nguyện lựa chọn đấu giá.
3. Thỏa thuận với người có tài sản đấu giá về việc áp dụng một, một số hoặc toàn bộ quy định về trình tự, thủ tục đấu giá của Luật này đối với tài sản đấu giá quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật Đấu giá tài sản.



4. Tuyển dụng đấu giá viên, viên chức, người lao động làm việc cho Trung tâm theo quy định của pháp luật.
5. Nhận giá dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản theo hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản;
6. Cử đấu giá viên điều hành phiên đấu giá;
7. Thực hiện dịch vụ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, quản lý tài sản và dịch vụ khác liên quan đến tài sản đấu giá theo thỏa thuận.
8. Xác định giá khởi điểm khi đấu giá tài sản quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật Đấu giá tài sản theo ủy quyền của người có tài sản đấu giá;
9. Phân công đấu giá viên hướng dẫn người tập sự hành nghề đấu giá;
10. Đơn phương chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản hoặc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản vô hiệu theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định của Luật Đấu giá tài sản;
11. Thu, quản lý, sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật;
12. Được liên kết với các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khác để tổ chức việc đấu giá tài sản quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật Đấu giá tài sản.
13. Ký hợp đồng với Hội đồng đấu giá tài sản để cử đấu giá viên điều hành phiên đấu giá.
14. Thực hiện việc đấu giá tài sản theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định tại Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản và chịu trách nhiệm về kết quả đấu giá tài sản.
15. Ban hành Quy chế cuộc đấu giá theo quy định tại Điều 34 của Luật Đấu giá tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan;
16. Tổ chức phiên đấu giá liên tục theo đúng thời gian, địa điểm đã thông báo, trừ trường hợp bất khả kháng;
17. Yêu cầu người có tài sản đấu giá giao tài sản và các giấy tờ liên quan đến tài sản đấu giá cho người mua được tài sản đấu giá; trường hợp được người có tài sản đấu giá giao bảo quản hoặc quản lý thì giao tài sản và các giấy tờ liên quan đến tài sản đấu giá cho người mua được tài sản đấu giá;
18. Bồi thường thiệt hại khi thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật;
19. Thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản;
20. Lập Sổ theo dõi tài sản đấu giá, Sổ đăng ký đấu giá;

21. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho đấu giá viên của tổ chức theo quy định tại Điều 20 của Luật Đấu giá tài sản;

22. Báo cáo Sở Tư pháp danh sách đấu giá viên đang hành nghề, người tập sự hành nghề đấu giá tại tổ chức;

23. Báo cáo Sở Tư pháp về tổ chức, hoạt động hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu.

24. Chấp hành các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc kiểm tra, thanh tra;

25. Quản lý tổ chức bộ máy, viên chức, người lao động, tài chính, tài sản của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

26. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ cấu tổ chức Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản số 2 theo mô hình lãnh đạo và viên chức, người lao động làm việc giúp việc trực tiếp.

2. Lãnh đạo Trung tâm gồm Giám đốc và không quá 02 Phó giám đốc.

a) Giám đốc phải là Đấu giá viên, là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tư pháp và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và toàn bộ hoạt động của Trung tâm. Có trách nhiệm báo cáo với Lãnh đạo Sở về tổ chức, hoạt động của Trung tâm theo quy định.

b) Phó Giám đốc là người giúp việc Giám đốc và được phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được giao ủy quyền điều hành các hoạt động của Trung tâm;

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và chế độ chính sách khác đối với các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của thành phố.

3. Số lượng người làm việc của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản số 2 được giao trên cơ sở Đề án vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của Trung tâm. Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý các đấu giá viên, các viên chức khác và người lao động của Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của thành phố.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản số 2, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- Sở Tư pháp;
- Các PCVP UBND TP;
- Báo và PTTH Hải Phòng;
- Công TTĐT TP, Công báo TP;
- Các Phòng: NVKTGS, NC, TC;
- Lưu: VT, NVKTGS, V.H.Nam.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Châu